

Số: 1497/TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

**1. Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin**

Địa chỉ: số 565 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.35525553; Fax: 024.38543154

Email: [tvcontrol@gmail.com](mailto:tvcontrol@gmail.com)

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 16/CN-TĐC.

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần 2 và có hiệu lực đến ngày 05/05/2027. /*kg*

**Nơi nhận:**

- Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ-Vinacomin;
- PTCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1497/TĐC-HCHQ ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tổng cục Trường Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quy phạm pháp luật
1.	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	<p>- Các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu quản lý được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm, hàng hóa</p> <p>- Các quy định kỹ thuật và quản lý quy định tại QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN</p>
2.	Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng	
3.	Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu khác	
4.	Ấm đun nước	
5.	Nồi cơm điện	
6.	Quạt điện	
7.	Bàn là điện	
8.	Lò vi sóng	
9.	Lò nướng điện, vi nướng điện (loại di động)	
10.	Dây và cáp điện	
11.	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng	
12.	Dụng cụ pha chè hoặc cà phê	
13.	Máy sấy khô tay	
14.	Thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự	QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
15.	Thép không gỉ	QCVN 20:2019/BKHCN và sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN
16.	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thỏi đúc hoặc các dạng thô khác	Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý
17.	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm	Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các quy định



ky

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quy phạm pháp luật
18.	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng có chiều rộng từ 600 mm trở lên, được cán nóng chưa phủ, mạ hoặc tráng	trong các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý
19.	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng	
20.	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng	
21.	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm chưa phủ, mạ hoặc tráng	Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý
22.	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm đã phủ, mạ hoặc tráng	
23.	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng góc, khuôn hình	
24.	Thép không gỉ ở dạng thổi đúc hoặc dạng thô khác; bán thành phẩm thép không gỉ	
25.	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên	
26.	Các sản phẩm thép không gỉ được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm	
27.	Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều	
28.	Thép không gỉ dạng thanh và que khác; thép không gỉ dạng góc, khuôn và hình khác	
29.	Dây thép không gỉ	
30.	Thép hợp kim khác ở dạng thổi đúc hoặc dạng thô khác; các bán thành phẩm bằng thép hợp kim khác	



ky

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quy phạm pháp luật
31.	Thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên	Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý
32.	Sản phẩm của thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm	
33.	Các dạng thanh và que của thép hợp kim khác được cán nóng, dạng cuộn không đều	
34.	Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim	
35.	Thép xây dựng: - Dạng cuộn - Dạng thanh	
36.	Các loại ống, ống dẫn và thanh hình có các mặt cắt rỗng khác, bằng sắt hoặc thép (ví dụ: nối mở, tán đinh hoặc ghép bằng cách tương tự	
37.	Dây thép hợp kim khác	

**Ghi chú:** Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để quản lý, Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện chứng nhận. *Rg*

